

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-ST
Ngày 21-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Đông

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-DS ngày 19-7-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 210 T, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc K - Chuyên viên khách hàng PGD Long Mỹ; địa chỉ nhận văn bản của Tòa án: Số 16-18, Đường B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20-6-2017 và số 124/2021/QĐ-LienVietPostBank.HG ngày 16-03-2021. (Vắng mặt)

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc B2; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-03-2021, các bản tự khai, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương

mại cổ phần B có người đại diện hợp pháp trình bày Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh Hậu Giang - Phòng giao dịch Long Mỹ (sau đây gọi là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc B2 và ông Nguyễn Văn T số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0346320CL001L1 và khế ước nhận nợ số 0346320CL001L1-KU01 cùng ngày 29-7-2016. Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 26-01-2021. Ngân hàng đã đến làm việc với gia đình bà B2, ông T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay nhưng bà B2 đã rời khỏi nhà đi làm ăn xa không liên hệ được, cố tình tránh mặt không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B2 và ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 21-10-2021 là 20.550.877 đồng (vốn 17.500.000 đồng, lãi trong hạn 781.731 đồng, lãi quá hạn 2.269.146 đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B2 và ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đương sự trên vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt có văn bản ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn về nghĩa vụ trả tiền vốn, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 14, 15 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bà B2 và ông T ký Hợp đồng tín dụng cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc tại Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện ông bà thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bà B2 và ông T được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà B2 và ông T về tiền nợ vốn, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0346320CL001L1 ngày 29-7-2016 (bút lục số 30-31, sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng). Nhận thấy, Hợp đồng tín dụng trên được ký kết giữa bà B2, ông T với Ngân hàng trên cơ sở ý chí tự nguyện thỏa thuận. Tại khế ước nhận nợ 0346320CL001L1-KU01 đề ngày 29-7-2016 thể hiện bà B2 và ông T đã nhận tiền vay của Ngân hàng (bút lục số 32). Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B2 và ông T đã được Tòa án tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông bà nhưng ông bà vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án thì được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà B2 và ông T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 21-10-2021 là 20.550.877 đồng (vốn 17.500.000 đồng, lãi trong hạn 781.731 đồng, lãi quá hạn 2.269.146 đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết là phù hợp ý chí thỏa thuận giữa hai bên, đúng quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà B2 và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 236, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B2 và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền tính đến ngày 21-10-2021 là 20.550.877 đồng (vốn 17.500.000 đồng, lãi trong hạn 781.731 đồng, lãi quá hạn 2.269.146 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0346320CL001L1 ngày 29-7-2016.

Kể từ ngày 22-10-2021, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc B2 và ông Nguyễn Văn T không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì ông/bà còn phải trả lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0346320CL001L1 ngày 29-7-2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B2, ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.027.500 đồng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp 448.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008414 ngày 14-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân